TAND HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ - ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Hỷ;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lê Quang Tùng;
2. Bà: Lê Thị Huyền;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên;

Ngày 06 tháng 9 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân mở lại phiên tòa để đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2023/TLST – HNGĐ, ngày 18/4/2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST - HNGĐ ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Vi Thị D** – sinh năm 1993 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn PC, xã XL, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

2.Bị đơn: **Lê Văn Th** – sinh năm 1982(vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn TN, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2023 của chị Vi Thị D là nguyên đơn và các bản tự khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

* *Về hôn nhân*: Nguyên đơn Vi Thị D và bị đơn Lê Văn Th kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, thật sự yêu thương nhau và không bị ai ép buộc được hai bên 2 gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XL vào ngày 27/4/2012. Sau khi lấy nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì năm 2018 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm,

suy nghĩ, cách sống của mỗi người là khác nhau, không thông cảm cho nhau nên không tìm thấy sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng; nguyên đơn cho rằng bị đơn Lê Văn Th sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo làm ăn, thường chửi bới xúc phạm vợ, con. Chị D đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã được 2 bên gia đình nhiều lần đứng ra dàn xếp, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trước tình trạng mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như vậy, hiện nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy nguyên đơn Vi Thị D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn Lê Văn Th.

**Về con cái*: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung, tên cháu là Lê Thị Trà M – sinh ngày 06/10/2009 và Lê Thị Đan Nh — sinh ngày 02/01/2013. Nay ly hôn, nguyên đơn Vi Thị D đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu Trà M và Đan Nh cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu anh Thắng cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản và công nợ:* Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ vợ chồng thỏa thuận tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Lê Văn Th sau Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân và gọi điện thoại cho anh Th thì anh Th không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập cũng như thông báo hòa giải. Qua xác minh tại địa phương thì anh Lê Văn Th có hộ khẩu thường trú tại thôn TN, xã LT, huyện TX, hiện tại anh Th đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương; các giấy tờ Tòa án huyện Thường Xuân tống đạt cho bà Lê Thị Ng(mẹ anh Th), để bà Ng thông tin lại cho anh Th biết, nhưng anh Th nói với bà Ng không nhận bất cứ văn bản, giấy tờ gì mà Tòa án Thường Xuân tống đạt, do vậy Tòa án Thường Xuân đã lập biên bản về việc không nhận văn bản tố tụng của Tòa án đối với bà Lê Thị Ng. Như vậy anh Lê Văn Th không hợp tác, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã lập biên bản về việc không hòa giải được đối với vụ việc trên. Vào ngày 18 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử, đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn Lê Văn Th vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã ra quyết định hoãn phiên tòa, niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay một lần nữa bị đơn Lê Văn Th vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, UBND xã LT, huyện TX đã xác nhận: Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh Lê Văn Th và chị Vi Thị D chính quyền địa phương không nắm được, thôn, xã cũng không được hòa giải mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Hiện tại chị D đã trở về nhà bố mẹ đẻ ở xã XL,

huyện TX để sinh sống. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

*Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót vi phạm gì; Bị đơn Lê Văn Th không chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51,56,57,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, Điều 271, 273,278 và 280 BLTTDS 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vi Thị D; Giao cháu Trà M và Đan Nh cho nguyên đơn Vi Thị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn đơn Lê Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Vi Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Lê Văn Th. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2.Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Lê Văn Th có nơi cư trú tại thôn TN, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

2.1Về hôn nhân: Nguyên đơn Vi Thị D và bị đơn Lê Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã XL, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, không thông cảm cho nhau dẫn đến cải cọ nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nguyên đơn xin ly hôn, bị đơn không có ý kiến gì. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy về hôn nhân giữa nguyên đơn Vi Thị

D và bị đơn Lê Văn Th đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy nên chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Vi Thị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2.*Về con cái*: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Trà M – sinh ngày 06/10/2009 và Lê Thị Đan Nh – sinh ngày 02/01/2013. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Vi Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét cho chị được nuôi cả 02 con. Xét điều kiện nuôi con của cả nguyên đơn và bị đơn thì thấy, nguyên đơn có thu nhập ổn định khoảng 8.000.000đ/tháng và nơi cư trú ổn định; Bị đơn hiện tại không có mặt tại địa phương, không biết làm công việc gì và thu nhập hàng tháng là bao nhiêu. Để đảm bảo các điều kiện phát triển bình thường của trẻ em, do cháu Trà M, Đan Nh đang còn nhỏ, tâm sinh lý phát triển chưa hoàn thiện, lại là con gái nên cần sự quan tâm, gần gủi chăm sóc từ người mẹ, vì vậy giao cả 02 cháu Trà M và Đan Nh cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn Lê Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom các con không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, công nợ: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.4.Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51,56,57,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, Điều 271, 273 và 278 BLTTDS 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân:

Xử: Cho nguyên đơn Vi Thị D được ly hôn với bị đơn Lê Văn Th.

2. Về con cái:

Giao các cháu Lê Thị Trà M – sinh ngày 06/10/2009 và Lê Thị Đan Nh – sinh ngày 02/01/2013 cho nguyên đơn Vi Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 09/2023 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Bị đơn Lê Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản.

3.Về tài sản, công nợ: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4.Về án phí và các vấn đề khác: Nguyên đơn Vi Thị D phải nộp **300.000đ**(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự - HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền

300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0015564, ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Vi Thị D đã thi hành xong về phần án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Ban Tư pháp xã XL huyện ThX, Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Sỹ Hỷ